

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10/6/2024

*(V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn)*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tuyết .

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Sân; Ông Phạm Minh Phương

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Cao Thị Hóa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:**

Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 10/6/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 67/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Quý D, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Vắng mặt có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2024, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D chung sống như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, chung sống trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình hòa giải nhưng không thành và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D có 02 con chung là Nguyễn Khánh L sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006, do cháu Khánh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H cho đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị V không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Thu H hiện đang ở cùng với anh Nguyễn Quý D. Hiện chị V làm ruộng thu nhập 4.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/4/2024 bị đơn anh Nguyễn Quý D trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị V đúng như chị V đã trình bày, anh D và chị V đã ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V xin ly hôn anh D đồng ý ly hôn. Về con chung, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H cho đến khi cháu thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Thu H hiện đang ở cùng với anh Nguyễn Quý D. Hiện anh D đang ở nhà riêng và làm thợ xây thu nhập 6.000.000 đồng/ tháng. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Nguyễn Quý D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 25 tháng 4 năm 2024 của cháu Nguyễn Thị Thu H thể hiện: Cháu Thu H là con chung của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D, cháu không có tài sản riêng gì. Nay chị V, anh D ly hôn cháu H có nguyện vọng được ở với anh D.

Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2024 giữa Tòa án nhân dân huyện Tam Đường và chính quyền địa phương xã B xác định: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D chung sống như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Chị V và anh D sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D có 02 con chung là Nguyễn Khánh L sinh ngày 20/10/2000 (hiện cháu đã thành niên, có khả năng lao động) và Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006. Gia đình chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D không thuộc hộ nghèo, cận nghèo. Mức thu nhập của các hộ thu nhập trung bình ở xã B là 40 triệu đồng/người/năm.

Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2024 chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D thỏa thuận được anh Nguyễn Quý D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do đó Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị

V và anh Nguyễn Quý D, tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, anh Nguyễn Quý D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.* Bị đơn anh Nguyễn Quý D cư trú tại Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D chung sống với nhau từ năm 2000, không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D là hôn

nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi lấy nhau chị V và anh D chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 chị V và anh D phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị Nguyễn Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quý D. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng chị V, anh D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân giữa chị V, anh D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V, anh D.

[3]. Việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D có 02 con chung là Nguyễn Khánh L sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006. Hiện cháu Nguyễn Thị Thu H đang ở cùng với anh Nguyễn Quý D.

Đối với cháu Nguyễn Khánh L sinh ngày 20/10/2000 đã thành niên có khả năng lao động nên chị V, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Thu H đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của cháu là được ở với anh D, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của cháu.

Tại biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị V khai làm ruộng thu nhập một tháng 4.000.000 đồng, anh D khai đang ở nhà riêng và làm thợ xây thu nhập một tháng 6.000.000 đồng, tuy nhiên chị V và anh D đều không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh cho thu nhập của mình, do vậy Tòa án căn cứ vào thu nhập bình quân của lao động tại địa phương để làm căn cứ tính thu nhập của các bên đương sự thì cả hai anh chị đều có thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 10/5/2024 chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D thỏa thuận được anh Nguyễn Quý D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị Nguyễn Thị V thể hiện chị V và anh D đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên không có ý kiến gì thêm. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường



vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quý D.
3. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Nguyễn Quý D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 03/11/2006 cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị Nguyễn Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, chị V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000293 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, nay số tiền đã nộp được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.
6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thành viên HĐXX**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Tuyết**